

TÌNH NON NƯỚC CỦA TẢN ĐÀ

Khảo luận Văn học Trần Quốc Bảo

Người cùng thời với Tản Đà, cũng như lớp hậu sinh, đã đề cập đến Ông khá nhiều, qua những: Thi Văn Tuyển tập , Phê bình Văn học, bình giảng. luận văn, cũng như trong các buổi văn đàm v.v... những phẩm bình gạn lọc của một nền văn học suốt chiều dài thế kỷ đã xác định giá trị tuyệt vời của thi ca Tản Đà, đứng hàng đầu, lớp các Nhà thơ tiền bán thế kỷ 20 và luôn cả nhiều thập niên sau nữa.

Sách báo viết về Tản Đà, bàn đến những áng thơ xuất thần của Tiên Sinh, những nét đặc thù như: cái say, cái sâu, cái mộng và đặc biệt là cái ngông của Tiên sinh; có Học Giả phân tích cặn kẽ về bút pháp trong thơ văn Tản Đà, về nghệ thuật ca trù và sự tài tình dịch thuật thơ từ Hán tự qua tiếng Việt. Lại có Vị đề cập tới cái lý tưởng cao vời, suốt đời Tiên sinh đeo đuổi mà cho đến ngày lià đời vẫn chưa thực hiện được như lòng mong ước, đó là Tiên Sinh muốn đề xuất, quảng bá và phổ động triết thuyết Thiên Lương cho bần dân thiên hạ, tựa như việc truyền bá tư tưởng hiền nhân quân tử và thuyết Trung dung của Đức Khổng Tử vậy.

Vâng, đã có nhiều nhận xét đa dạng sâu sắc về Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, nhưng dường như ít ai để ý tới một điểm đặc biệt là Lòng yêu Quê Hương Tổ Quốc của Tản Đà, đã được dàn trải thật nhiều, thật rõ ràng, nếu không nói là tràn ngập đến lộ liễu trong Thơ của Tiên Sinh.

Bài viết này không đi vào lãnh vực luận văn hay bình thơ, mà chỉ hạn chế, trong khuôn khổ đề tài: "**Minh chứng về Tình Non Nước rất sâu đậm trong thơ Tản Đà**",

Tại sao không nói thẳng, nói trắng ra là Lòng ái quốc, hay Tình yêu Tổ Quốc Quê Hương, mà lại rằng: "Tình Non Nước của Tản Đà", có gì phải che dấu tránh né chẳng?

- Vâng, có như vậy! xem lại tiểu sử Tản Đà, chúng ta thấy niên biểu thời ấy ở vào giai đoạn đầu lúc Nước ta bị Pháp cai trị, thời điểm bấy giờ mà in lên báo trưng, hoặc nhỏ to xì xầm đến Lòng ái quốc. Đảng cách mệnh hay Phong trào khởi nghĩa v.v... là điều cấm kỵ, gông cùm tù ngục, tai họa lù lù ngay sau gáy.

Mở lại đôi dòng sử u buồn trăm năm trước. Nước Pháp khởi sự cuộc viễn chinh xâm lăng Việt Nam kể từ năm 1858 (*Mậu ngọ, năm Tự Đức thứ 11*) 9 năm sau (1867) toàn bộ đất Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp và 17 năm kế tiếp, ngày mùng 6 tháng 6 năm 1884, Triều đình Huế ký Hòa Ước Giáp Thân (*quen gọi là Hoà Ước Patenôtre*) công nhận quyền Pháp bảo hộ trên toàn cõi Việt Nam.

Nước ta rơi vào vòng nô lệ 4 năm thì Nguyễn Khắc Hiếu ra đời, Ông sinh năm Mậu Tý, 1888, tại làng Khê Thượng, Huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây, cách Hà Nội 44 cây số về hướng Tây Bắc, quê hương Ông, phong cảnh đẹp hùng vĩ, phía đông-nam Huyện Bất Bạt có Núi Ba Vì, tức là Tản Viên cao 1280 thước, ta có câu ca dao: Nhất cao là núi Tản Viên, Thanh nhàn vô sự là tiên trên trần. (*Tản Viên trông xa như hình cánh phụng, nên còn gọi là Phụng Hoàng Sơn*), Sông Đà (*còn gọi là Hắc Giang*) bao bọc suốt dải bình nguyên phía Tây Bất Bạt từ bắc xuống nam làm ranh giới thiên nhiên ngăn cách với Tỉnh Phú Thọ. Lòng yêu Quê hương nảy sinh trong lòng Nguyễn khắc Hiếu ngay từ khởi sự cầm bút, Ông lấy bút hiệu Tản Đà hẳn là ý muốn gắn liền thân thể sự nghiệp vào lòng Quê hương vậy.

.....

Văn chương thời nô m na

Thú chơi có sơn hà

Ba Vì ở trước mặt

Hắc Giang bên cạnh nhà:

(*Tản Đà Tự Thuật*)

.....

Mạch nước sông Đà tim róc rách

Ngàn mây non Tản mắt lơ mơ

(*Ngày Xuân rượu với Thơ*)

.....

Sông Đà núi Tản đúc nên ai

Trần thế xưa nay được mấy người

Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc

Thanh cao phô trắng một cành mai

(*Thơ Tự Vịnh*)

.....

Vùng đất Sơn Tây nẩy một ông
Tuổi chưa bao nhiêu văn rất hùng
Sông Đà núi Tản ai hun đúc
Bút Thánh câu Thần sớm vãi vung

(*Thơ Tự Trào*)

Một tâm hồn nặng lòng với quê cha đất tổ, một bút thơ tài hoa như Tản Đà, mà thoát sinh ra đã là dân mất nước, ông chào đời với tiếng khóc quê hương, nỗi niềm sâu muện ấy đeo đẳng suốt cả cuộc đời thì việc đem tâm sự gửi vào thơ, ắt là chuyện đương nhiên, Lại nữa chúng ta biết, Tản Đà sinh nhằm buổi giao thời, cuối Thế kỷ 19, qua Thế kỷ 20, lúc mà ách nô lệ ngoại bang vừa sụp xuống đầu dân tộc ta, lại cũng là lúc nền phong hóa cũ của ta tiếp cận với nền văn minh Tây phương, chữ Quốc ngữ được dùng cấp kỳ thay thế chữ nôm và chữ nho.

Mười mấy năm trời ngọn bút lông
Thanh thời chẳng bận chút hơi đồng
Bây giờ anh đôi lông ra sắt
Cách kiếm ăn đời có nhọc không ?

Sự kiện tổng cự nghinh tân, thay cũ đổi mới,thuở ấy cũng tác động không ít vào nỗi sâu vọng cổ hoài hương của Tản Đà. Hơn nữa cùng trong thế hệ Tản Đà, sinh trước hoặc sau một vài thập niên, có những trang anh hùng kiệt sĩ, như Phan Bội Châu (1867), Nguyễn Thượng Hiền (1868), Phan Chu Trinh (1872), Huỳnh Thúc Kháng (1875) , Nguyễn Đình Chiểu, Khái Hưng (1898) Nguyễn Thái Học, Trương Vĩnh Ký, Ngô đình Diệm (1901), Nhất Linh Nguyễn Tường Tam (1907) ... tấm lòng yêu Nước thương dân của các Nhà Chí Sĩ đó như một chất xúc tác ngầm ngầm nhưng cực kỳ mạnh mẽ lan tràn trong tâm hồn người dân Việt vong quốc lúc bấy giờ. Cao điểm của sự kiện này là vụ Nguyễn Thái Học và 12 Đồng Chí bị Pháp chém tại Yên Bái ngày 17 tháng 7 năm 1930. (9 năm sau,Tản Đà qua đời ngày 17 tháng 6 năm 1939 tại Hà Nội)

Thi sĩ Quách Tấn sinh năm 1910, trẻ tuổi hơn Tản Đà 1 giáp, khi in tập thơ “Một Tấm Lòng” (1939) đã được Tản Đà đề Tựa, có viết một đoạn văn hồi ký nói về Tản Đà, đăng trong tạp chí Văn xuất bản tại Saigon năm 1971, Ông kể rằng - Năm 1927, Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập, lấy Dân Tộc, Dân Quyền, Dân Sinh ,

làm chủ nghĩa; lấy Độc Lập, Dân Chủ, Phú Cường làm phương châm. Tuy còn đương trong thời kỳ bí mật, nhưng uy danh của Vị Lãnh Tụ , hùng tâm hùng khí của của các cấp Chỉ Huy, lòng nhiệt thành và đức hi sinh cao cả của đa số Đồng Chí, đã làm cho bọn cường quyền vừa sợ vừa kính, hàng Sĩ phu yêu Nước qui tâm. Để gây ảnh hưởng sâu rộng, Đảng quyết định dùng Báo chí làm cơ quan tranh đấu và tuyên truyền. Quyết định ra nhằm lúc An Nam Tạp Chí tạm đình bản vì thiếu hụt tài chánh. Ban Chấp Hành Trung Ương bèn ủy quyền cho Lãnh Tụ Nguyễn Thái Học đến thương lượng cùng Tản Đà Tiên sinh. - Tản Đà Tiên sinh là một Nhà Thơ yêu Tổ Quốc, yêu văn chương và lập chí đem văn chương đền ơn Tổ Quốc từ lúc còn trẻ:

Này vẫn bác Tản Đà ngày trước
Thuở xuân xanh thề ước non sông
Trải bao xuân hạ thu đông
Càng phơ tóc bạc cho lòng càng son
(*Xuân cảm năm Ất Hợi*)

Lòng Tiên Sinh luôn ấp ủ giấc mộng “Bồi lại bức dư đồ Việt Nam”, mà:

Buổi trước ông cha mua để lại
Ngày nay con cháu lấy làm chơi
(*Vịnh Bức Dư Đồ Rách*)

Cho nên khi gặp Lãnh Tụ Nguyễn Thái Học, Tiên sinh mừng khôn xiết nổi mừng

Rồng Tiên cùng họ từ xưa
Ba mươi năm mới bây giờ gặp nhau
(Chơi Huế)

Trong các tài liệu về Tản Đà, chỉ duy có bài của Quách Tấn nhắc đến sự kiện đó, chúng ta không đánh giá sự khả tín của chuyện ký, nhưng từ đó chúng ta mở rộng thêm nhận xét về những ẩn ý chất chứa trong thơ ái quốc của Tản Đà. Xin hãy đọc bài thơ bất hủ:

“Vịnh Bức Dư Đồ Rách”

Nọ bức dư đồ thử đứng coi
Sông sông núi núi khéo bia cười
Biết bao lúc mới công vòn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả toí ?
Ấy trước ông cha mua để lại

Mà sau con cháu lấy làm chơi !
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi

Ở vào khởi điểm của cuộc mất Nước, toàn dân cúi đầu nhận chịu ách nô lệ, bài thơ trên đây của Tản Đà, nghĩa đen mộc mạc chỉ là nỗi lòng cảm động khi đứng nhìn tám bản đồ treo trên tường bị rách nát, nhưng ý tại ngôn ngoại, cái tâm sự ẩn dụ trong thơ lồ lộ ra quá rõ rệt, từng câu, từng chữ, là tiếng thở than vong quốc thật nào nùng ai oán, là lời thống thiết khẩn gọi lớp Sĩ phu hãy đứng lên cứu nguy Tổ Quốc, hãy ra tay tài bồi mảnh Giang sơn gấm vóc của Tổ tiên đang bị nạn ngoại xâm.

Lời kêu gọi thúc bách “Hãy mau tô bồi hàn gắn lại bức dư đồ Việt Nam rách nát tả tơi” chẳng phải chỉ dóng lên một lần rồi thôi, mà cứ mỗi khi thuận câu, hợp vần, Tản Đà lại nhắc tới nhắc lui:

.....
Tri âm ai đó , mau hồ giấy
Kéo đến dư đồ lại tả tơi !
(*Lo Thời Khí*)

.....
Biết bao ra Bắc vào Nam
Bức dư đồ rách đã cam khó lòng !
(*Xuân Tứ*)

.....
Dư đồ còn đó chưa phai
Còn non, còn nước, còn người nước non.
(*Qua cầu Hàm Rồng cảm tác*)

.....
Dám quên “Đông Pháp” người tri kỷ ?
Riêng nhớ “An Nam” bức địa đồ
(*Gửi Tòa soạn Đông Pháp Thời Báo*)

.....
Bức dư đồ rách không bồi
Báo “An Nam” nghĩ biết đời nào ra
(*Cười bác Mai Lâm*)
Có bài thơ nhắc đi nhắc lại Bức dư đồ đến hai lần

.....

Khóc ai, riêng cũng mừng cho
An Nam Tạp Chí, dư đồ còn đây

.....

Hơn nhau một bức dư đồ
Khí thiêng sông núi hộ phù nước non
(*An Nam TC ra lần thứ năm*)

Còn nhiều nữa, nhưng nội những câu thơ lược trích trên đây, cũng đủ dài tỏ tấm lòng ái quốc nhiệt tình của Nhà Thơ núi Tản sông Đà, và qua đó Tiên sinh đã gửi đến Quốc dân một thông điệp khá rõ ràng.

Dùng biểu tượng “**Bức dư đồ rách**” để nói về Tổ Quốc suy vong, Sông núi bị kẻ xâm lăng cai trị ; đó là “viết” phải “lách” phải tránh né để thoát khỏi lưỡi kéo kiểm duyệt của Nhà Cầm Quyền, nhất là để che mắt bọn Mật Thám Pháp và bè lũ tay sai. Cũng vậy, thay vì khơi động “Lòng Ái Quốc”: Tản Đà đã viết bài thơ

“**Thề Non Nước**”

Nước non nặng một lời thề
Nước đi, đi mãi không về cùng non
Nhớ lời Nguyện nước thề non
Nước đi chưa lại, non còn đứng trông
Non cao, những ngóng cùng trông
Suối khô dòng lệ, chờ mong tháng ngày
Xương mai một nắm hao gầy
Tóc mây một mái đã dày tuyết sương
Trời tây ngả bóng tà dương
Càng phơi vẽ ngọc nét vàng phai pha
Non Cao tuổi vẫn chưa già
Non thời nhớ nước, nước mà quên non
Dù cho sông cạn đá mòn
Còn non còn nước hãy còn thề xưa
Non cao đã biết hay chưa
Nước đi ra bể, lại mưa về nguồn
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi
Nước kia dù hãy còn đi

Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui

Nghìn năm giao ước kết đôi

Non non nước nước chưa nguôi lời thề.

Lời thề non nước là lời thề trước Bàn Thờ Tổ Quốc, mà trong tình huống Tổ Quốc lâm nguy thì thề hứa điều gì ? Tiên sinh không nói ra, nhưng không nói mà ai ai cũng đều biết cả . Bút thơ Tản Đà tuyệt diệu là ở chỗ đó. Trong bài Xuân Cầm, Tiên sinh hạ bút:

Non Sông thề với hai vai

Quyết đem bút sắt mài long son

(Xuân Cầm)

Bút sắt mài lòng son mà viết câu thề, thì đó là “**huyết thệ**” thề bằng máu và tất nhiên là lời thề sắt son, trung thành nguyện đem cả hai vai mà gánh vác sơn hà. Nhưng tiếc rằng khi đất nước ở vào lúc thế cùng vận dĩ nên cái chí cả, mộng lớn của Tản Đà đã chẳng thành tựu được, Tiên sinh xót xa thổ lộ can tràng:

- Năm nay tuổi đã bốn mươi hai

Ta nghĩ mà ta chẳng giống ai

Khắp bốn phương trời không thước đất

Địa cầu những muốn ghé bên vai

- Năm nay tuổi đã bốn mươi ba

Ta nghĩ mà ai chẳng giống ta

Lo nước, lo nhà, lo thế giới

Còn lo thêm nợ, nghĩ chưa ra

(Tân Xuân - Khai bút)

Đọc những câu tâm sự trên ta thấy khác nào nỗi lòng Đặng Dung qua bài “**Thuật Hoài**”

Thế sự du du nại lão hà

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca

Thời lai đồ điều thành công dị

Sự khứ anh hùng ẩm hận đa

Trí chủ hữu hoài phù địa trục

Tây binh vô lộ văn thiên hà

Quốc thù vị báo đầu tiên bạch

Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma!

Bản dịch:

Thế cuộc đa đoan luống tuổi già
Say ca giữa đất trời bao la
Gặp thời đề tiện lên vênh váo
Lỡ vận anh hùng ngậm xót xa
Phò nước đã toan xoay địa trục
Gột bào chẳng lối tới thiên hà
Chưa đền nợ nước đầu nay bạc
Mài kiếm nhiều đêm trắng với ta
(*Trần Quốc Bảo*)

Sầu vong quốc phải chăng là mối sầu vạn cổ? Tản Đà cho rằng mình sinh bất
phùng thời, nỗi buồn vì thân thế quần bách, cô đơn cộng với niềm đau nhục của
quê hương đất nước, ông bi phần thốt lên:

Biết bao ra Bắc vào Nam
Bức dư đồ rách đã cam khó lòng
Văn chương chút nghĩa đèo bồng
Thuyền không tay lái vẫy vùng được sao!
(*Xuân Tír*)

Và cuối cùng Tiên sinh cam nhận số phận hẩm hiu, đành thúc thủ trong thất bại
cay đắng

.....

Quản chi sông rộng doanh khơi
Buồm không thuận gió ai ơi cũng đành !
(*Thư của người nhà quê*)

Cả cuộc đời của Tản Đà, dù mê đắm trong văn thơ chữ nghĩa, dù say sưa túy lúy
cần khôn, dù nông nghênh xem mực hạ vô nhân, coi trời bằng vung, nhưng trên
hết cả, chói lọi hơn hết cả vẫn là Tình Non Nước, là cái tấm lòng ái quốc chân
thành trung kiên thẳng băng mực tàu, của một sĩ phu.

Lời tâm huyết sau đây được coi như câu đối đắng tuyệt mệnh của Tiên Sinh:

Tấm riêng riêng những then mình
Giữa đường buông đứt gánh tình như không
Gập tờ giấy niêm phong hạt lệ

Nhờ cánh tem bay đệ cung mây
Ái ân thôi có ngân này
Thề nguyên non nước đợi ngày tái sinh

Vũ Ngọc Phan trong Nhà Văn Hiện Đại đã kết luận phê bình về Tản Đà như sau:
“Thơ của Ông dẫn dị, trong sáng, lại diễn tả tâm hồn Việt Nam đủ mọi vẻ, mọi màu; nên thơ Ông, quyết nhiên sẽ là thơ bất hủ, và có lẽ trên Thi Đàn gần đây, Ông đứng vào bậc nhất.”

Vũ Ngọc Phan nhận xét rất đúng nhưng dường như vẫn thiếu sót khi không đề cập đến tấm lòng yêu Nước thiết tha của Tản Đà chất chứa đầy ắp trong khối thi ca đồ sộ Ông để lại cho hậu thế.

Trong cuộc sống đầy bận bịu, dành chút thời gian mở lại trang Thơ Tản Đà Vịnh Bức Dư Đồ rách, và ngâm nga đôi câu Thề Non Nước, bỗng thấy sao mà hợp cảnh hợp tình quá! Dường như đang sống cùng trong niên biểu với Tản Đà, hoặc giả Tiên sinh đang còn cầm bút làm thơ ở nơi đâu đó quanh ta.

Xin thành kính dâng lời tri ân Thi Hào Tiền Bối, khoảng một thế kỷ trước đây đã viết lên những lời thơ tâm sự xót xa để còn rung động hậu sinh đến ngày hôm nay.

Trần Quốc Bảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim
- Nhà Văn Hiện Đại - Vũ Ngọc Phan
- Các Sách của Tản Đà (Vận Văn, Tùng Văn, Văn Tập I & II)
- Dân Tôi - Đông Tiến
- Thơ Tuyển Dịch - Đào Hữu Dương
- Văn Xá 2 (3 & 4-1990)
- Việt Thi - Trần Trọng Kim